| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THUẬN NAM**<br>TỈNH NINH THUẬN<br>Số: 03/2024/QĐST-HNGĐ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**<br><br>*Thuận Nam, ngày 16 tháng 01 năm 2024* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 182/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc *"Ly hôn; nuôi con chung"*, giữa:

Nguyên đơn: chị Lê Thị M - sinh năm 1988

Địa chỉ: thôn L, xã M, huyện TN, Ninh Thuận.

Bị đơn: anh Nguyễn Tuấn V - sinh năm 1982

Địa chỉ: thôn L, xã M, huyện TN, Ninh Thuận.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2024.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 *(Bảy)* ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị M và anh Nguyễn Tuấn V.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị M và anh Nguyễn Tuấn V tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cho chị Lê Thị M trực tiếp nuôi dưỡng 01 *(Một)* con chung tên là Nguyễn Lê Như Q, sinh ngày 17/6/2021. Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Tuấn V thống nhất thỏa thuận anh Nguyễn Tuấn V đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung tên là Nguyễn Lê Như Q, sinh ngày 17/6/2021 với mức cấp dưỡng hàng tháng là 1.000.000 đồng *(bằng chữ: Một triệu đồng)*, thời gian cấp dưỡng từ tháng 02/2024 cho đến khi con chung tên là Nguyễn Lê Như Q đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của*

*số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị Lê Thị M và anh Nguyễn Tuấn V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị M tự nguyện đồng ý chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án là 300.000 đồng *(bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ vào 4.050.000 đồng *(bằng chữ: Bốn triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002216 ngày 24/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Nam. Hoàn trả lại cho chị Lê Thị M 3.750.000 đồng (bằng chữ: Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn dư theo biên lai nêu trên.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Thuận Nam;
- UBND xã Phước Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Quốc Tâm**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**……[1]

Số:……/……/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*…., ngày…… tháng …… năm ……*

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số...../...../TLST/HNGĐ ngày.....tháng....năm....., giữa[2]:

.....
.....
.....

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các điều 55,..... của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày…..tháng……năm …..

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày…. tháng..... năm ..... là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.
Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa [3] .....
.....
**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:[4] .....
.....
**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**
*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

***Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:***

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).